

STT	Lớp 11	MSHS 22-23	Lớp 10 21-22	Họ và tên HS	NỮ	ĐIỂM TBM	Danh hiệu
01	B10	B10-01	C10-45	Trương Phạm Quang An		7.10	HSTT
02	B10	B10-02	C14-01	Lê Thị Phương Anh	x	9.20	HSG
03	B10	B10-03	C14-02	Nguyễn Minh Anh	x	8.00	HSTT
04	B10	B10-04	C10-03	Trương Lê Quỳnh Anh	x	8.10	HSTT
05	B10	B10-05	C14-03	Nguyễn Lê Thế Bảo		7.10	HSTT
06	B10	B10-06	C14-04	Nguyễn Thành Bảo		7.90	HSTT
07	B10	B10-07	C14-05	Phan Nhật Thanh Châu	x	8.00	HSTT
08	B10	B10-08	C10-04	Trần Vi Chân		7.20	HSTT
09	B10	B10-09	C14-06	Nguyễn Phạm Nhật Cường		7.40	HSTT
10	B10	B10-10	CT14	Lê Thành Đạt			
11	B10	B10-11	C14-07	Đặng Phúc Điền		7.60	HSTT
12	B10	B10-12	C14-08	Phan Bá Đức		8.20	HSTT
13	B10	B10-13	C10-10	Nguyễn Trường Đăng Khoa		7.90	HSTT
14	B10	B10-14	C10-11	Trần Gia Kiên		8.30	HSTT
15	B10	B10-15	C10-13	Nguyễn Thị Yến Linh	x	8.60	HSTT
16	B10	B10-16	C10-14	Lê Đình Long		6.80	
17	B10	B10-17	C10-16	Nguyễn Ngọc Phương Mai	x	8.00	HSTT
18	B10	B10-18	C14-22	Đặng Thị Thuý Ngân	x	8.30	HSG
19	B10	B10-19	C14-23	Lâm Thanh Ngân	x	8.40	HSTT
20	B10	B10-20	C14-24	Nguyễn Kim Ngân	x	7.10	HSTT
21	B10	B10-21	C14-21	Nguyễn Lâm Kim Ngân	x	7.30	HSTT
22	B10	B10-22	C14-25	Hà Huỳnh Bảo Ngọc	x	8.40	HSTT
23	B10	B10-23	C10-19	Phạm Hồng Ngọc	x	8.00	HSTT
24	B10	B10-24	C10-20	Đoàn Vũ Trọng Nhân		7.70	
25	B10	B10-25	C10-21	Đoàn Thị Yến Nhi	x	8.50	HSTT
26	B10	B10-26	C10-22	Mai Nguyễn Yến Nhi	x	8.70	HSG
27	B10	B10-27	C10-23	Nguyễn Trần Bảo Nhi	x	8.40	HSTT
28	B10	B10-28	C14-27	Kung Uy Nhơn		8.30	HSTT
29	B10	B10-29	C10-24	Nguyễn Thụy Hồng Nhung	x	8.20	HSTT
30	B10	B10-30	C14-28	Huỳnh Như	x	8.00	HSTT
31	B10	B10-31	C10-27	Nguyễn Thành Phúc		7.60	HSTT
32	B10	B10-32	C14-30	Phan Yến Phương	x	7.80	HSTT
33	B10	B10-33	C14-32	Võ Minh Quân		8.20	HSTT
34	B10	B10-34	C14-34	Trần Ngọc Diễm Quỳnh	x	8.40	HSTT
35	B10	B10-35	C14-35	Trần Phương Quỳnh	x	8.10	HSTT
36	B10	B10-36	C10-30	Nguyễn Thái Sơn		8.40	HSTT
37	B10	B10-37	C14-36	Lý Tuấn Tài		7.30	HSTT
38	B10	B10-38	C10-32	Trần Vũ Việt Thành		8.00	HSTT
39	B10	B10-39	C10-33	Trần Thuận Thiên		8.70	HSG
40	B10	B10-40	C10-35	Phạm Thị Minh Thư	x	8.70	HSG
41	B10	B10-41	C14-41	Trần Thị Ngọc Thương	x	8.40	HSTT
42	B10	B10-42	C10-36	Lương Nhã Thy	x	7.50	HSTT
43	B10	B10-43	C10-37	Đỗ Nhất Tiến		8.10	HSTT
44	B10	B10-44	C10-39	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	x	8.80	HSG
45	B10	B10-45	C10-42	Cù Thanh Minh Trí		8.30	HSTT
46	B10	B10-46	C10-44	Phạm Lê Đăng Vương		7.40	HSTT